

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/ST-KDTM

Ngày 25-01-2021

V/v “*Tranh chấp về hợp
đồng mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Hà.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Lục Văn Văn.

2. Bà: Vũ Thị Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nhâm Đình Mạnh -Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh-Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 42/2020/TLST-KDTM ngày 01 tháng 12 năm 2020, về việc “Tranh chấp về hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Hợp tác xã H.

Địa chỉ: Tổ 02, thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1968- Chức vụ: Giám đốc hợp tác xã.

Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thiên H, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Tổ 01, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn A.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1959-Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số nhà 060, đường Đ, tổ 29, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số nhà 060, đường Đ, tổ 29, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 02 tháng 10 năm 2014, Công ty trách nhiệm hữu hạn A và Hợp tác xã H ký hợp đồng mua bán hàng hóa số 01/HĐKT, Công ty trách nhiệm hữu hạn A mua của Hợp tác xã H với khối lượng 3.500m³ đá, vật liệu xây dựng thành tiền là 2.950.000.000 đồng (Hai tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn thanh toán 100% tiền hàng vào ngày từ 01 đến ngày 10 hàng tháng. Ngày 31 tháng 8 năm 2015, hai bên đối chiếu công nợ xác định Công ty trách nhiệm hữu hạn A nợ đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2014, số tiền là 2.828.823.261 đồng (Hai tỷ tám trăm hai mươi tám triệu tám trăm hai mươi ba nghìn hai trăm sáu mươi một đồng), trừ số tiền chuyển trả vào khoản 587.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi bảy triệu đồng) và đối trừ Hợp tác xã H nợ số tiền vay ngày 17 tháng 02 năm 2015, số tiền là 1.336.468.000 đồng (Một tỷ ba trăm ba mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng), số tiền còn nợ là 905.355.261 đồng (Chín trăm không năm triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm sáu mươi một đồng). Hợp tác xã H nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng Công ty trách nhiệm hữu hạn A không trả.

Đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn A và cá nhân bà Lê Thị Th có nghĩa vụ trả số tiền mua bán hàng hóa còn nợ là 905.355.261 đồng (Chín trăm không năm triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm sáu mươi một đồng).

Tại bản tự khai của người đại diện theo pháp luật của Công ty trách nhiệm hữu hạn A bà Lê Thị Th trình bày:

Tại Hợp đồng mua bán số 01/HĐKT ngày 02 tháng 10 năm 2014, Công ty trách nhiệm hữu hạn A ký hợp đồng mua hàng hóa vật liệu xây dựng của Hợp tác xã H với khối lượng 3.500m³ đá, thành tiền là 2.950.000.000 đồng (Hai tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng). Ngày 31 tháng 8 năm 2015, các bên đã đối chiếu công nợ và đối trừ khoản nợ của Hợp tác xã H thì Công ty trách nhiệm hữu hạn A còn nợ số tiền là 905.355.261 đồng (Chín trăm không năm triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm sáu mươi một đồng). Công ty trách nhiệm hữu hạn A sẽ có trách nhiệm thanh toán.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Th trình bày: Bà Lê Thị Th không ký kết hợp đồng mua bán, không vay nợ gì với Hợp tác xã H nên bà Lê Thị Th không có trách nhiệm thanh toán. Việc Hợp tác xã H yêu cầu cá nhân bà Lê Thị Th phải có trách nhiệm cùng Công ty trách nhiệm hữu hạn A trả số tiền nêu trên là không đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lào Cai tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án các thủ tục tố tụng được tiến hành đầy đủ, đúng quy định. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117; Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 24, Điều 50 Luật thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã H: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn A phải trả số tiền mua bán hàng hóa còn nợ số tiền là 905.355.261 đồng (Chín trăm không năm triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm sáu mươi một đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã H đối với bà Lê Thị Th phải cùng với Công ty trách nhiệm hữu hạn A có trách nhiệm trả số tiền 905.355.261 đồng (Chín trăm không năm triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm sáu mươi một đồng).

Tuyên án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền, quan hệ giải quyết vụ án: Nguyên đơn Hợp tác xã H có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn A, có địa chỉ tại số nhà 060, đường Đ, tổ 29, phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai phải trả số tiền mua bán hàng hóa còn nợ là 905.355.261 đồng (Chín trăm không năm triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm sáu mươi một đồng). Đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” là giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Lê Thị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo pháp luật của bị đơn và của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào hợp đồng mua bán hàng hóa số 01/HGGKT ngày 02 tháng 10 năm 2014, giữa Hợp tác xã H ký kết với Công ty trách nhiệm hữu hạn A. Nội dung của hợp đồng thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của các bên và không trái quy định pháp luật nên có hiệu lực phù hợp với các quy định tại Điều 117, Điều 430 của Bộ luật dân sự.

[2.2] Công ty trách nhiệm hữu hạn A trong quá trình thực hiện hợp đồng số 01/HĐKT ngày 02 tháng 10 năm 2014. Đến ngày 31 tháng 8 năm 2015, Hợp tác xã H và Công ty trách nhiệm hữu hạn A đối chiếu công nợ theo hợp đồng và đối trừ Hợp tác xã H nợ thì Công ty trách nhiệm hữu hạn A còn nợ số tiền là 905.355.261 đồng (Chín trăm không năm triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm sáu mươi một đồng). Theo hợp đồng thì thời hạn thanh toán 100% tiền hàng vào ngày từ 01 đến ngày 10 hàng tháng nhưng Công ty trách nhiệm hữu hạn A không thực hiện đúng hợp đồng đã cam kết. Như vậy, Công ty trách nhiệm hữu hạn A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Hợp tác xã H yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn A là có căn cứ cần chấp nhận.

[2.3] Hội đồng xét xử xét thấy Hợp tác xã Hoàng Luyến yêu cầu buộc cá nhân bà Lê Thị Th phải có trách nhiệm cùng với Công ty trách nhiệm hữu hạn A trả số tiền nêu trên là không có căn cứ. Bởi lẽ bà Lê Thị Th ký kết hợp đồng với tư cách là người đại diện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Anh Đ, bà Lê Thị Th không ký kết

hợp đồng với tư cách cá nhân nên không có căn cứ chấp nhận buộc cá nhân Lê Thị Th phải có nghĩa vụ trả tiền.

[3] Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn A phải chịu án phí kinh doanh thương mại so thẩm theo quy định pháp luật

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 24, Điều 50 Luật thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã H như sau: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn A phải có nghĩa vụ trả cho Hợp tác xã H số tiền là 905.355.261 đồng (Chín trăm không năm triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm sáu mươi một đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật Hợp tác xã H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn A chưa thi hành xong khoản tiền phải trả nêu trên, thì hàng tháng Công ty trách nhiệm hữu hạn A còn phải phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã H về việc bà Lê Thị Th phải có trách nhiệm cùng Công ty trách nhiệm hữu hạn A trả số tiền là 905.355.261 đồng (Chín trăm không năm triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm sáu mươi một đồng).

2. Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn A phải chịu số tiền là 39.160.700 đồng (Ba mươi chín triệu một trăm sáu mươi nghìn bảy trăm đồng) án phí kinh doanh thương mại so thẩm.

Hợp tác xã Hoàng L không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại so thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền là 19.580.329 đồng (Mười chín triệu năm trăm tám mươi nghìn ba trăm hai mươi chín đồng) do bà Nguyễn Thiên H đã nộp thay theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AB/2012/0008770 ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lào Cai.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SO THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh, TP;
- THADS TP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thái Hà